

Phụ lục 04:
BIỂU PHÍ DỊCH VỤ GÓI TÀI KHOẢN LƯƠNG (Chưa bao gồm thuế GTGT)

(Ban hành kèm theo Quy định số/2021/QĐ-TGD ngày/...../2021
 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Á)

STT	Loại phí	PAYROLL 1	PAYROLL 2
I	Đối với Tài khoản nhận lương		
1	Thành phần	- Tài khoản thanh toán (TKTT)	- Tài khoản thanh toán (TKTT)
		- Thẻ ghi nợ nội địa VCCS hạng Chuẩn	- Thẻ ghi nợ nội địa VCCS hạng Vàng
		- SMS Banking	- SMS Banking
		- NHS gói tiêu chuẩn	- NHS gói nâng cao
2	Số dư tối thiểu TKTT	50.000 VND nhưng không yêu cầu nộp ngay khi mở tài khoản	
3	Số dư bình quân TKTT/tháng (VND)	Không yêu cầu	
4	Phí quản lý tài khoản/tháng (Miễn phí nếu đạt số dư bình quân TKTT/tháng) (VND)	Không yêu cầu	
5	Phí quản lý tài khoản (áp dụng với tài khoản mà khách hàng không phát sinh giao dịch từ 1 năm trở lên).	25.000 VND/tháng	
6	Phí đóng tài khoản (VND)	Miễn phí	
7	Phí phát hành thẻ ghi nợ nội địa (VND)	Miễn phí	
8	Phí thường niên thẻ ghi nợ nội địa	- Miễn phí trong năm đầu tiên - Các năm tiếp theo áp dụng theo biểu phí hiện hành	

STT	Loại phí	PAYROLL 1	PAYROLL 2
9	Phí rút tiền qua ATM (bao gồm cả VietABank và Ngân hàng liên minh)	Miễn phí	
10	Phí sử dụng dịch vụ SMS Banking/tháng	Miễn phí	
11	Phí sử dụng dịch vụ IB,MB/tháng	Miễn phí 06 tháng đầu	
12	Phí chuyển tiền		
12.1	Trong hệ thống		
a	Kênh NHS và kênh quầy bằng hình thức trích nợ từ TKTT	Miễn phí	
b	Kênh quầy bằng hình thức tiền mặt	Theo biểu phí hiện hành	
12.2	Ngoài hệ thống	Miễn phí 06 tháng đầu, từ tháng thứ 7 thu phí theo biểu phí bên dưới.	
a	Chuyển khoản liên ngân hàng (kênh Citad).		
	+ Kênh NHS và kênh quầy bằng hình thức trích nợ từ TKTT	0.02%* Số tiền giao dịch, Min 4.000 VND/GD; Max: + Cùng tỉnh thành phố nơi mở TKTT: 500.000 VND/GD + Khác tỉnh thành phố nơi mở TKTT: 1.000.000 VND/GD	0.015%*Số tiền giao dịch,Min 2.000 VND/GD; Max: + Cùng tỉnh thành phố nơi mở TKTT: 500.000 VND/GD + Khác tỉnh thành phố nơi mở TKTT: 1.000.000 VND/GD
	+ Kênh quầy bằng hình thức tiền mặt	Theo biểu phí hiện hành	

STT	Loại phí	PAYROLL 1	PAYROLL 2
b	Phí chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7		
	+ Kênh NHS và kênh quầy bằng hình thức trích nợ từ TKTT với các giao dịch có giá trị từ 500.000 VND/GD trở xuống	0.4%*Số tiền giao dịch	0.4%*Số tiền giao dịch
	+ Kênh NHS và kênh quầy bằng hình thức trích nợ từ TKTT với các giao dịch có giá trị trên 500.000 VND/GD	0.02%* Số tiền giao dịch, Min 4.000 VND/GD; Max 60.000 VND/GD	0.015%* Số tiền giao dịch, Min 2.000 VND/GD; Max 60.000 VND/GD
	+ Kênh quầy bằng hình thức tiền mặt	Theo biểu phí hiện hành	
13	Tự trả lương (người nhận có TKL VietABank)	1.000 VND/ món	1.000 VND/ món
14	Chi hộ lương (người nhận có TKL VietABank)	2.000 VND/ món	2.000 VND/ món
15	Các loại phí khác	Theo biểu phí hiện hành	
II	Đối với Đơn vị trả lương		
1	ĐVTL là các cơ quan nhà nước và các đơn vị hành chính sự nghiệp	- Miễn phí mở tài khoản doanh nghiệp	
		- Miễn 18 tháng phí dịch vụ trả lương;	
		- Hết thời hạn ưu đãi, VietABank sẽ thu phí dịch vụ trả lương theo mức phí quy định.	
2	ĐVTL là các loại hình doanh nghiệp và tổ chức khác	- Miễn phí mở tài khoản doanh nghiệp	
		- Miễn 12 tháng phí dịch vụ trả lương	

STT	Loại phí	PAYROLL 1	PAYROLL 2
		- Hết thời hạn ưu đãi, VietABank sẽ thu phí dịch vụ trả lương theo mức phí quy định.	
3	Các loại phí khác	Theo biểu phí hiện hành	